

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh tại Tờ trình số 71/TTr-VPĐP ngày 17 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương; Chánh Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC
AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

| Stt | Tên thủ tục hành chính nội bộ | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----------------------------------|--|--------------------|--|
| Lĩnh vực An toàn thực phẩm | | | |
| 1 | Đánh giá chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025. | An toàn thực phẩm. | - Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh. |

PHẦN B. NỘI DUNG CỤ THỂ

*** Thủ tục: Đánh giá chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm (ATTP) nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.**

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh (Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tự đánh giá chấm điểm kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

UBND xã tổ chức tự đánh giá chấm điểm và hoàn thiện hồ sơ trình công nhận xã đạt tiêu chí ATTP hoặc đạt tiêu chí xã ATTP nâng cao tại địa phương mình. Hồ sơ tự đánh giá phải thể hiện đầy đủ kết quả thực tế của từng tiêu chí, kèm theo các tài liệu liên quan để chứng minh kết quả thực hiện; gửi hồ sơ kết quả tự đánh giá về UBND huyện.

- Bước 2: Tổ chức thẩm tra đánh giá chấm điểm kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP, ATTP nâng cao.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã; UBND huyện tiến hành thẩm tra kết quả chấm điểm đánh giá và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP, ATTP của từng xã (Tổ thẩm tra do Chủ tịch UBND huyện thành lập, nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm tra do Tổ trưởng Tổ thẩm tra phân công). Trường hợp đánh giá không đạt thì nêu rõ lý do và hướng dẫn UBND xã hoàn thiện hồ sơ để trình trong lần tiếp theo; trường hợp đạt hoàn thiện báo cáo thẩm tra đánh giá chấm điểm của từng xã và hoàn chỉnh hồ sơ, trình UBND tỉnh tổ chức thẩm định.

- Bước 3: Tổ chức thẩm định đánh giá chấm điểm mức độ đạt từng tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao của từng xã.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ của UBND huyện, Tổ thẩm định (do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập gồm các thành viên là đại diện các sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; đồng chí Chánh Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh là Tổ trưởng) tổ chức thẩm định và đánh giá chấm điểm cụ thể thực tế mức độ đạt từng nội dung tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao của từng xã; trả lời bằng văn bản cho UBND huyện về kết quả thẩm định chấm điểm từng nội dung tiêu chí của từng xã; xây dựng báo cáo thẩm định đánh giá chấm điểm của từng xã, gửi Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh tổng hợp.

- Bước 4: Công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

+ Căn cứ kết quả thẩm định đánh giá chấm điểm của Tổ thẩm định, Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận các xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

+ Sau khi nhận được Tờ trình và hồ sơ kèm theo của Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm tra, gồm có:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao trên địa bàn xã kèm theo Phụ lục kết quả tự đánh giá chấm điểm đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

- Bản sao Bằng công nhận xã đạt tiêu chí ATTP kèm Quyết định công nhận của Chủ tịch UBND tỉnh (*đối với xã trình công nhận đạt tiêu chí ATTP nâng cao*).

- *Số lượng*: 01 bộ, gửi về UBND huyện.

3.2. Thành phần, số lượng hồ sơ trình thẩm định, gồm có:

- Tờ trình của UBND huyện đề nghị thẩm định xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

- Báo cáo thẩm tra đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP, ATTP nâng cao kèm theo Phụ lục kết quả thẩm tra chấm điểm đánh giá tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao của từng xã.

- *Số lượng* : 01 bộ (kèm theo 01 bộ hồ sơ của UBND xã); gửi về Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, gồm có:

- Tờ trình đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao (*kèm theo dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao*).

- Báo cáo thẩm định đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP, ATTP nâng cao của từng xã kèm theo Phụ lục kết quả thẩm định chấm điểm đánh giá tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao của từng xã.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các xã, phường, thị trấn.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

9.1. Tờ trình, gồm có:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra xã đạt tiêu chí ATTP nâng cao (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

- Tờ trình của UBND huyện đề nghị thẩm định xã đạt tiêu chí ATTP nâng cao (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

9.2. Báo cáo, gồm có:

- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP nâng cao kèm theo Phụ lục kết quả tự đánh giá chấm điểm đạt tiêu chí ATTP nâng cao (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

- Báo cáo thẩm tra đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP nâng cao của từng xã kèm theo Phụ lục kết quả thẩm tra chấm điểm đánh giá tiêu chí ATTP nâng cao (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

9.3. Danh sách thống kê, gồm có :

- Danh sách thống kê cơ sở (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

- Danh sách thống kê các văn bản đi, đến (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

- Danh sách các sản phẩm thực hiện tự công bố và đăng ký bản công bố (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

- Danh sách thống kê các cơ sở có hành vi vi phạm (theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ thẩm định).

*** Ghi chú:** Đối với các xã, phường, thị trấn xây dựng đạt tiêu chí an toàn thực phẩm thực hiện tương tự; tiêu chí nào không có điểm tối đa thì không đánh giá.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc thẩm định đánh giá chấm điểm mức độ đạt từng tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao của từng xã quy định tại Phần I, III, III ban hành kèm theo

Quyết định 3595/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định 3595/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

- Công văn số 1512/VP-VPĐP ngày 26/10/2022 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh về việc giao triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh.

- Công văn số 21/CV-TTĐ ngày 11/11/2022 của Tổ Thẩm định về việc hướng dẫn biểu mẫu xây dựng, trình công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

(Có mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo)

Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị thẩm tra xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TTr-UBND

..., ngày... tháng... năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thẩm tra xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao

Kính gửi: UBND huyện ...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của huyện);

Căn cứ kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm nâng cao của UBND huyện/thị xã/thành phố... ;

Căn cứ Kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm nâng cao của xã..... và kết quả thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm nâng cao của xã...;

UBND xã... kính đề nghị UBND huyện ... thẩm tra, trình thẩm định, công nhận đạt tiêu chí xã an toàn thực phẩm nâng cao năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo tự đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP nâng cao trên địa bàn xã.

2. Phụ lục kết quả tự đánh giá chấm điểm đạt tiêu chí ATTP nâng cao

3. Bản sao Bằng công nhận xã đạt tiêu chí ATTP kèm Quyết định công nhận của Chủ tịch UBND tỉnh (*đối với xã trình công nhận đạt tiêu chí ATTP nâng cao*).

Kính đề nghị UBND huyện ... xem xét thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02: Báo cáo tự đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP nâng cao

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

..., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Báo cáo tự đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xãđạt tiêu chí ATTP nâng cao

I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy xã
2. Công tác triển khai thực hiện của UBND xã

II. Đặc điểm tình hình

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, ... của địa phương

III. Kết quả thực hiện các tiêu chí ATTP nâng cao

1. Tiêu chí 1: Chỉ đạo điều hành

1.1. Nội dung tiêu chí 1: Tổ chức bộ máy.

1.1.1. Nội dung tiêu chí 1.1: Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).

- *Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm:* Tài liệu chứng minh: Quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo; Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo (nếu có).

- *Các nội dung đã thực hiện:* UBND xã đã có các quyết định kiện toàn: số ../QĐ-UBND ngày ../...; số ../QĐ-UBND ngày ../... về việc kiện toàn ban chỉ đạo.....; Ban chỉ đạo đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên (Thông báo số.....)

- *Kết quả tự đánh giá chấm điểm* : 2/2 điểm.

1.2. Tiêu chí thành phần 1.2: Tương tự:

....

5. Tiêu chí 5: Tương tự

(Kèm theo phụ lục kết quả tự đánh giá chấm điểm tiêu chí ATTP cao).

IV. Đánh giá chung

V. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC**Kết quả tự đánh giá chấm điểm tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của...)*

| TT | Nội dung tiêu chí | Đánh giá chấm điểm | |
|-------------|---|--------------------|-------------|
| | | Điểm tối đa | Tự đánh giá |
| I | CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH | 25 | |
| 1 | Tổ chức bộ máy. | 4 | |
| 1.1 | <i>Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).</i> | 2 | |
| 1.2 | <i>Thành lập/kiện toàn Tổ giám sát/tự quản cộng đồng thôn, bản, phố về an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Tổ giám sát).</i> | 2 | |
| 2 | Thể chế, kế hoạch. | 6 | |
| 2.1 | <i>Ban hành Quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giám sát.</i> | 2 | |
| 2.2 | <i>Nghị quyết hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về an toàn thực phẩm.</i> | 2 | |
| 2.3 | <i>Ban hành chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh thực phẩm chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm.</i> | 2 | |
| 3 | Kết quả hoạt động. | 12 | |
| 3.1 | <i>Ban Chỉ đạo, Tổ giám sát hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chức năng nhiệm vụ được giao.</i> | 6 | |
| 3.2 | <i>Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu được giao đảm bảo yêu cầu về số lượng, chất lượng và tiến độ.</i> | 6 | |
| 4 | <i>Thường xuyên cập nhật đầy đủ nội dung thông tin lên phần mềm “Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tỉnh” theo quy định.</i> | 3 | |
| II. | THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN | 17 | |
| 5 | <i>Tổ chức thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên hệ thống đài truyền thanh hoặc các hình thức tuyên truyền khác.</i> | 8 | |
| 6 | <i>Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho cán bộ quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.</i> | 7 | |
| 7 | <i>Thực hiện công khai vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; khen thưởng, biểu dương các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (nếu có).</i> | 2 | |
| III. | CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH | 24 | |

| | | | |
|-------------|--|-----------|--|
| 8 | Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định. | 6 | |
| 9 | Tỷ lệ cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tương ứng. | 6 | |
| 10 | Yêu cầu về Chợ kinh doanh thực phẩm (đối với xã có chợ nằm trong quy hoạch) hoặc Cửa hàng kinh doanh thực phẩm (đối với xã không có chợ nằm trong quy hoạch). | 6 | |
| 11 | Tỷ lệ các cơ sở lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo đảm truy xuất được nguồn gốc theo quy định. | 3 | |
| 12 | Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm thuộc diện phải công bố được sản xuất trên địa bàn thực hiện tự công bố sản phẩm hoặc có bản đăng ký công bố sản phẩm và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định. | 3 | |
| IV. | THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM | 21 | |
| 13 | Tỷ lệ cơ sở được thanh tra, kiểm tra | 18 | |
| 13.1 | <i>Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh, cấp huyện được thanh tra, kiểm tra.</i> | 6 | |
| 13.2 | <i>Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã được kiểm tra.</i> | 12 | |
| 14 | Tỷ lệ cơ sở có hành vi vi phạm được xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về ATTP theo quy định (nếu có) | 3 | |
| V. | GIÁM SÁT VÀ PHÒNG CHỐNG NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM | 8 | |
| 15 | Quản lý các vụ ngộ độc thực phẩm và xử lý sự cố an toàn thực phẩm theo quy định | 3 | |
| 16 | Tỷ lệ bữa cỗ có từ 30 người ăn trở lên thực hiện ký cam kết tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm. | 3 | |
| 17 | Thực hiện xét nghiệm nhanh về an toàn thực phẩm tại các cơ sở được kiểm tra. | 2 | |
| Điểm | | 95 | |
| VI. | ĐIỂM CỘNG | 5 | |
| 1 | Có quyết định khen thưởng từ UBND cấp huyện trở lên về công tác ATTP | + 1 | |
| 2 | Có ít nhất 01 sản phẩm OCCOP (về thực phẩm) được đánh giá 3 sao trở lên và đã được cập nhật thông tin lên Trang thông tin kết nối cung cầu nông sản, thực phẩm an toàn tỉnh | + 1 | |
| 3 | Thực hiện lấy mẫu sản phẩm thực phẩm chủ lực của địa phương ít nhất 02 mẫu/quý; kèm theo kết quả đánh giá. | + 2 | |

| | | | |
|------------------|---|------------|--|
| 4 | Thực hiện xử lý cơ sở có hành vi vi phạm về ATTP. | + 1 | |
| VII. | ĐIỂM TRỪ | | |
| 1 | Trên địa bàn xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm từ 30 người mắc trở lên hoặc có 01 trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm hoặc để xảy ra các sự cố ATTP nghiêm trọng. | - 4 | |
| 2 | Trên địa bàn xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm từ 3 đến dưới 30 người mắc; hoặc để xảy ra các sự cố khác ATTP ít nghiêm trọng. | - 3 | |
| 3 | Báo cáo, xử lý NĐTP chậm sau khi biết tin > 24h, không kịp thời và phối hợp không tốt. | - 1 | |
| TỔNG ĐIỂM | | 100 | |

Mẫu số 03: Tờ trình đề nghị thẩm định xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thẩm định xã..... đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

UBND huyện kính trình UBND tỉnh tổ chức thẩm định, công nhận xã..... đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao trong năm 20....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP nâng cao.

2. 01 bộ hồ sơ của UBND xã.....trình công nhận xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng điều phối về VSATTP tỉnh;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04: Báo cáo thẩm tra đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí xã ATTP nâng cao

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra đánh giá chấm điểm và kết quả
xây dựng xã..... đạt tiêu chí xã ATTP nâng cao

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Tờ trình số .../TTr-UBND ;

UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá chấm điểm kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao, cụ thể như sau:

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN THẨM TRA: Ngày .../.../...

II. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Tiêu chí 1: Chỉ đạo, điều hành

1.1. Nội dung tiêu chí 1.1

- Yêu cầu của tiêu chí: ...

- Các nội dung đã thực hiện: ...

- Kết quả thẩm tra đánh giá chấm điểm: ...

4.1.2. Tiêu chí thành phần 1.2: Tương tự:

....

4.5. Tiêu chí 5: Tương tự

(Kèm theo Biểu tổng hợp kết quả thẩm tra các tiêu chí ATTP nâng cao)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

IV. KẾT LUẬN

Kết luận:

Kính đề nghị UBND tỉnh tổ chức thẩm định, công nhận xã.....đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm

Nơi nhận:

- Tổ thẩm định;
- Văn phòng điều phối về VSATTP tỉnh;
- Lưu VT, .

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

Kết quả thẩm tra đánh giá chấm điểm tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /20... của UBND...)

| TT | Nội dung tiêu chí | Đánh giá chấm điểm | | |
|------------|---|--------------------|-------------|----------|
| | | Điểm tối đa | Tự đánh giá | Thẩm tra |
| I | CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH | 25 | | |
| 1 | Tổ chức bộ máy. | 4 | | |
| 1.1 | <i>Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).</i> | 2 | | |
| 1.2 | <i>Thành lập/kiện toàn Tổ giám sát/tự quản cộng đồng thôn, bản, phố về an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Tổ giám sát).</i> | 2 | | |
| 2 | Thể chế, kế hoạch. | 6 | | |
| 2.1 | <i>Ban hành Quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giám sát.</i> | 2 | | |
| 2.2 | <i>Nghị quyết hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về an toàn thực phẩm.</i> | 2 | | |
| 2.3 | <i>Ban hành chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh thực phẩm chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm.</i> | 2 | | |
| 3 | Kết quả hoạt động. | 12 | | |
| 3.1 | <i>Ban Chỉ đạo, Tổ giám sát hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chức năng nhiệm vụ được giao.</i> | 6 | | |
| 3.2 | <i>Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu được giao đảm bảo yêu cầu về số lượng, chất lượng và tiến độ.</i> | 6 | | |
| 4 | <i>Thường xuyên cập nhật đầy đủ nội dung thông tin lên phần mềm “Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tỉnh” theo quy định.</i> | 3 | | |
| II. | THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN | 17 | | |
| 5 | <i>Tổ chức thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên hệ thống đài truyền thanh hoặc các hình thức tuyên truyền khác.</i> | 8 | | |
| 6 | <i>Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho cán bộ quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.</i> | 7 | | |
| 7 | <i>Thực hiện công khai vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; khen thưởng, biểu dương các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (nếu có).</i> | 2 | | |

| | | | | |
|-------------|--|-----------|--|--|
| III. | CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH | 24 | | |
| 8 | Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định. | 6 | | |
| 9 | Tỷ lệ cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tương ứng. | 6 | | |
| 10 | Yêu cầu về Chợ kinh doanh thực phẩm (đối với xã có chợ nằm trong quy hoạch) hoặc Cửa hàng kinh doanh thực phẩm (đối với xã không có chợ nằm trong quy hoạch). | 6 | | |
| 11 | Tỷ lệ các cơ sở lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo đảm truy xuất được nguồn gốc theo quy định. | 3 | | |
| 12 | Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm thuộc diện phải công bố được sản xuất trên địa bàn thực hiện tự công bố sản phẩm hoặc có bản đăng ký công bố sản phẩm và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định. | 3 | | |
| IV. | THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM | 21 | | |
| 13 | Tỷ lệ cơ sở được thanh tra, kiểm tra | 18 | | |
| 13.1 | <i>Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh, cấp huyện được thanh tra, kiểm tra.</i> | 6 | | |
| 13.2 | <i>Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã được kiểm tra.</i> | 12 | | |
| 14 | Tỷ lệ cơ sở có hành vi vi phạm được xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về ATTP theo quy định (nếu có) | 3 | | |
| V. | GIÁM SÁT VÀ PHÒNG CHỐNG NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM | 8 | | |
| 15 | Quản lý các vụ ngộ độc thực phẩm và xử lý sự cố an toàn thực phẩm theo quy định | 3 | | |
| 16 | Tỷ lệ bữa cỗ có từ 30 người ăn trở lên thực hiện ký cam kết tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm. | 3 | | |
| 17 | Thực hiện xét nghiệm nhanh về an toàn thực phẩm tại các cơ sở được kiểm tra. | 2 | | |
| Điểm | | 95 | | |
| VI. | ĐIỂM CỘNG | 5 | | |

| | | | | |
|------------------|---|------------|--|--|
| 1 | Có quyết định khen thưởng từ UBND cấp huyện trở lên về công tác ATTP | + 1 | | |
| 2 | Có ít nhất 01 sản phẩm OCCOP (về thực phẩm) được đánh giá 3 sao trở lên và đã được cập nhật thông tin lên Trang thông tin kết nối cung cầu nông sản, thực phẩm an toàn tỉnh | + 1 | | |
| 3 | Thực hiện lấy mẫu sản phẩm thực phẩm chủ lực của địa phương ít nhất 02 mẫu/quý; kèm theo kết quả đánh giá. | + 2 | | |
| 4 | Thực hiện xử lý cơ sở có hành vi vi phạm về ATTP. | + 1 | | |
| VII. | ĐIỂM TRỪ | | | |
| 1 | Trên địa bàn xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm từ 30 người mắc trở lên hoặc có 01 trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm hoặc để xảy ra các sự cố ATTP nghiêm trọng. | - 4 | | |
| 2 | Trên địa bàn xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm từ 3 đến dưới 30 người mắc; hoặc để xảy ra các sự cố khác ATTP ít nghiêm trọng. | - 3 | | |
| 3 | Báo cáo, xử lý NĐTP chậm sau khi biết tin > 24h, không kịp thời và phối hợp không tốt | - 1 | | |
| TỔNG ĐIỂM | | 100 | | |

Mẫu số 05: Danh sách thống kê cơ sở

UBND XÃ....
BCĐ VỀ QUẢN LÝ VỆ SINH ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THỐNG KÊ CƠ SỞ...TRÊN ĐỊA BÀN XÃ...HUYỆN...

| Stt | Tên cơ sở | Địa chỉ | Cơ sở thuộc diện cấp GCN đủ điều kiện ATTP | | Cơ sở không thuộc diện cấp GCN đủ điều kiện ATTP | Loại hình | | | | Quy mô/công suất/sản lượng (số lượng suất ăn, số kg/lít, số con/ngày) | Sản phẩm | Cấp quản lý | | | Ngành quản lý | | | Tình trạng hoạt động |
|-----|-----------|---------|--|----------|--|-----------|-------|---------|-----------|---|----------|-------------|---|---|---------------|----|----|----------------------|
| | | | Đã cấp (nơi cấp) | Chưa cấp | | SXTP | KD TP | KD DVAU | SX, KD TP | | | T | H | X | NN | CT | YT | |
| -1 | -2 | -3 | -4 | | -5 | -6 | | | | -7 | -8 | -9 | | | -10 | | | -11 |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN

Mẫu số 06: Danh sách thống kê các văn bản đi, đến.

UBND XÃ....
BCĐ VỀ QUẢN LÝ VỆ SINH ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN ĐI, ĐẾN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

| Stt | Văn bản cấp trên giao | Văn bản triển khai của xã |
|------------|-----------------------|---------------------------|
| I | Năm 2021 | |
| 1 | | |
| ... | | |
| II | Năm 2022 | |
| 1 | | |
| ... | | |
| III | Năm | |
| 1 | | |
| ... | | |

Ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN

Mẫu số 07: Danh sách các sản phẩm thực phẩm thực hiện tự công bố và đăng ký bản công bố

UBND XÃ....
BCĐ VỀ QUẢN LÝ VỆ SINH ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC SẢN PHẨM THỰC PHẨM
SẢN XUẤT RA TRÊN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN TỰ CÔNG BỐ VÀ ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ**

| Stt | Tên sản phẩm | Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm công bố | Địa chỉ | Thời gian công bố |
|-----------|----------------------------|--|---------|----------------------|
| I | Tự công bố | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| .. | | | | |
| II | Đăng ký bản công bố | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| .. | | | | |
| | | | | |

Ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN

Mẫu số 08: Danh sách thống kê các cơ sở có hành vi vi phạm.

UBND XÃ....
BCĐ VỀ QUẢN LÝ VỆ SINH ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THỐNG KÊ CÁC CƠ SỞ CÓ HÀNH VI VI PHẠM

| Stt | TÊN SẢN PHẨM/ SỐ TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ/ SỐ LÔ SẢN PHẨM | HÀNH VI VI PHẠM | | | | | CÔNG TY CÔNG BỐ (ĐỊA CHỈ) | CÔNG TY SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU (ĐỊA CHỈ) | CÔNG TY/ CÁ NHÂN BỊ XỬ PHẠT (ĐỊA CHỈ) | SỐ TIỀN PHẠT (VNĐ) |
|-----|--|-----------------|---------|------------------------|----------------|------------------|---------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|
| | | Quảng cáo | Công bố | Chất lượng và ghi nhãn | Điều kiện ATTP | Các hành vi khác | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| .. | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

Ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN